

**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐT ĐÔNG TRIỀU**  
**TRƯỜNG MN HÒA MI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019-2020**

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |         | Chuẩn nghề nghiệp |     |            |     |
|------------|-------------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|----------|---------|-------------------|-----|------------|-----|
|            |                                                       |         | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV                    | Hạng III | Hạng II | Xuất sắc          | Khá | Trung bình | Kém |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | 20      |                  |     | 17 | 2  | 1  |         | 7                          | 4        | 7       | 12                | 6   |            |     |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 3       |                  |     | 1  | 2  |    |         |                            |          |         | 1                 | 2   |            |     |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 12      |                  |     | 2  | 2  | 7  |         |                            |          |         | 8                 | 4   |            |     |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            |          | 1       | 1                 |     |            |     |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 2       |                  |     | 2  |    |    |         |                            |          | 2       | 2                 |     |            |     |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 1       |                  |     | 1  |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 3          | Thủ quỹ                                               |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 1       |                  |     |    |    | 1  |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| 5          | Nhân viên khác                                        |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |
| ..         | ..                                                    |         |                  |     |    |    |    |         |                            |          |         |                   |     |            |     |

Bình Khê, ngày 02 tháng 08 năm 2019

**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Thị Mến**

**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐT ĐÔNG TRIỀU**  
**TRƯỜNG MN HÒA MI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2019-2020**

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |     |           |          |          |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |          | Chuẩn nghề nghiệp |     |            |     |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----|-----------|----------|----------|---------|----------------------------|----------|----------|-------------------|-----|------------|-----|
|            |                                                       |           | TS               | ThS | ĐH        | CĐ       | TC       | Dưới TC | Hạng IV                    | Hạng III | Hạng II  | Xuất sắc          | Khá | Trung bình | Kém |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | <b>20</b> |                  |     | <b>17</b> | <b>2</b> | <b>1</b> |         | <b>7</b>                   | <b>4</b> | <b>7</b> |                   |     |            |     |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 3         |                  |     | 1         | 2        |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 12        |                  |     | 2         | 2        | 7        |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1         |                  |     | 1         |          |          |         |                            |          | 1        |                   |     |            |     |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 2         |                  |     | 2         |          |          |         |                            |          | 2        |                   |     |            |     |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 1         |                  |     | 1         |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 3          | Thủ quỹ                                               |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 1         |                  |     |           |          | 1        |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| 5          | Nhân viên khác                                        |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |
| ..         | ..                                                    |           |                  |     |           |          |          |         |                            |          |          |                   |     |            |     |

Bình Khê, ngày 02 tháng 08 năm 2019

**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Thị Mến**

Số: 06 /QĐ-MNHM

Bình Khê, ngày 06 tháng 01 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai quyết toán các khoản thu kỳ I năm học 2019 -2020**

Căn cứ vào Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ vào Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc “Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ hướng dẫn số 795/PGD&ĐT ngày 09/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách; chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ vào biên bản họp Ban đại diện phụ huynh ngày 26/09/2019 tại văn phòng trường MN Hòa Mi.

Căn cứ vào biên bản họp họp phụ huynh các lớp ngày 29/09/2019 tại các lớp trường MN Hòa Mi.

Căn cứ tình hình thực tế thu chi các nguồn thỏa thuận.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán các khoản thu thỏa thuận năm học 2019 – 2020 của trường mầm non Hòa Mi ( Kèm theo biểu mẫu 04 ngày 06/01/2020)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Hiệu trưởng**

**Nơi nhận:**

- BGH nhà trường;
- Lưu phòng KT

**Nguyễn Thị Mến**

PHÒNG GD & ĐT TX ĐÔNG TRIỀU  
TRƯỜNG MN HỌA MI

**THÔNG BÁO**  
**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU – CHI NGUỒN KHÁC**  
**KỲ I NĂM 2019 - 2020**

ĐVT: đồng

| STT       | Chỉ tiêu                                     | Số liệu báo cáo<br>quyết toán | Số liệu quyết toán<br>được duyệt |
|-----------|----------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|
| <b>A</b>  | <b>Quyết toán thu</b>                        |                               |                                  |
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu</b>                           | <b>36.600.000</b>             | <b>36.600.000</b>                |
| 1         | Thu phí, lệ phí                              | 36.600.000                    | 36.600.000                       |
|           | <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i> |                               |                                  |
| 2         | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ           |                               |                                  |
|           | <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i> |                               |                                  |
| 3         | Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)      |                               |                                  |
| 4         | <b>Thu sự nghiệp khác</b>                    | <b>240.434.522</b>            | <b>240.434.522</b>               |
|           | Tiền ăn + tiền chất đốt                      | 142.432.000                   | 389.561.500                      |
|           | Tiền đón sớm trả muộn                        | 23.503.422                    | 23.503.422                       |
|           | Tiền chăm sóc bán trú                        | 69.010.100                    | 69.010.100                       |
|           | Tiền vật dụng dùng chung phục vụ bán trú     | 5.489.000                     | 5.489.000                        |
| <b>II</b> | <b>Số thu nộp NSNN</b>                       | <b>36.600.000</b>             | <b>36.600.000</b>                |
| 1         | Phí, lệ phí                                  | 36.600.000                    | 36.600.000                       |
|           | <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i> |                               |                                  |
| 2         | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ           |                               |                                  |
|           | <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i> |                               |                                  |
| 3         | Hoạt động sự nghiệp khác                     |                               |                                  |



|            |                                          |                    |                    |
|------------|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|            | (Chi tiết theo từng loại thu)            |                    |                    |
| <b>III</b> | <b>Số được để lại chi theo chế độ</b>    |                    |                    |
| 1          | Phí, lệ phí                              |                    |                    |
|            | <i>Chi sửa chữa CSVS, chuyên môn</i>     |                    |                    |
| 2          | Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ           |                    |                    |
|            | (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)    |                    |                    |
| 3          | Thu viện trợ                             |                    |                    |
| 4          | <b>Hoạt động sự nghiệp khác</b>          | <b>240.434.522</b> | <b>240.434.522</b> |
|            | Tiền ăn + tiền chất đốt                  | 142.432.000        | 389.561.500        |
|            | Tiền đón sớm trả muộn                    | 23.503.422         | 23.503.422         |
|            | Tiền chăm sóc bán trú                    | 69.010.100         | 69.010.100         |
|            | Tiền vật dụng dùng chung phục vụ bán trú | 5.489.000          | 5.489.000          |
|            | Tiền ăn + tiền chất đốt                  | 142.432.000        | 389.561.500        |
|            | Tiền đón sớm trả muộn                    | 23.503.422         | 23.503.422         |
|            | Tiền chăm sóc bán trú                    | 69.010.100         | 69.010.100         |
|            | Tiền vật dụng dùng chung phục vụ bán trú | 5.489.000          | 5.489.000          |

Ngày 06 tháng 01 năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Thị Mến**